

Năm h ọc 2012-2013 tr ờ ng THPT Chuyên Khoa h ọc T ự nhiên có 498 h ọc sinh t ừ t nghi ệ p, và có 453 h ọc sinh đ ể thi 4 kh ớ i A, A1, B và D trong k ể thi tuy ệ n sinh Đ ờ i h ọc 2013. Theo b ờ ng x ếp h àng c ờ a B ờ Giáo d ục và Đ ào t ạo v ề k ể t qu ể thi Đ ờ i h ọc năm 2013, tr ờ ng THPT Chuyên KHTN v ớ i 785 l ờ t thi và đ ể t đ ể m bình qu ầ n 22,20 x ếp v ớ i trí th ố 7 trong danh sách 200 tr ờ ng THPT có k ể t qu ể cao nh ậ t trong c ờ n ề c. Tr ờ ng ta có 5 h ọc sinh đ ể th ể khoa các tr ờ ng Đ ờ i h ọc, đó là :

- Phan Ng ọc Minh l ờ p 12A2 Hóa th ể khoa kh ớ i A H ọc vi ệ n Ngân Hàng (29 đ ể m),
- Tr ờ n Minh Tâm l ờ p 12A2 Toán th ể khoa kh ớ i A tr ờ ng Đ ờ i h ọc Khoa h ọc T ự nhiên (28 đ ể m),
- Lê Ph ờ ng Anh l ờ p 12A1 Toán th ể khoa k ếp kh ớ i A1 (25,5 đ ể m) và kh ớ i D1 (27 đ ể m) H ọc vi ệ n Ngo ề i giao,
- Nguy ệ n Th ể Ki ồ u Anh l ờ p 12A1 Toán đ ờ ng th ể khoa kh ớ i D1 H ọc vi ệ n Ngo ề i giao (27 đ ể m)
- Nguy ệ n Th ể Ng ọc Anh l ờ p 12A1 Toán đ ờ ng th ể khoa kh ớ i D1 tr ờ ng Đ ờ i h ọc Lu ậ t Hà N ộ i (26,5 đ ể m).

Ngoài ra Nguy ệ n Ti ệ n Th ể ng và Nguy ệ n Minh D ữ ng l ờ p 12A2 Toán là đ ờ ng Á khoa kh ớ i A tr ờ ng Đ ờ i h ọc Kinh t ể Qu ồ c d ầ n (29 đ ể m).

Toàn tr ờ ng có 17 h ọc sinh đ ể t đ ể m thi t ừ 28 đ ể n 29. Đ ể c bi ể t trong đó ph ớ i k ể đ ể n Phan Ng ọc Minh l ờ p 12A2 Hóa có đ ể m thi kh ớ i A là 29, kh ớ i B là 28,5 và Đ ể Văn Tâm l ờ p 12A2 Toán có đ ể m thi c ờ kh ớ i A, kh ớ i B đ ể u là 28,5.

N ề u tính t ừ 27 đ ể m tr ờ lên, c ờ tr ờ ng có 51 h ọc sinh; trong đó kh ớ i A là 35 h ọc sinh, kh ớ i B là 19 h ọc sinh và kh ớ i D1 là 2 h ọc sinh (có 5 h ọc sinh đ ể t đ ể m c ờ 2 kh ớ i A và B đ ể u t ừ 27 đ ể m tr ờ lên).

Sau đây là top 20 tr ờ ng THPT có đ ể m thi Đ ờ i h ọc cao nh ậ t c ờ n ề c.

STT

T nh / thành ph

Mã ỗ ẫ n v

Tên trỖ ng ph thông

LỖ t d thi

ỖTB (Ex)

1

TP H Chí Minh

2018

THPT NK ĐH KHTN

519

23,31

2

T nh Bình Ph c

43004

THPT Chuyên Quang Trung

198

23,19

3

T nh Hà Tĩnh

30040

THPT Chuyên Hà Tĩnh

319

22,55

4

TP Hà N ĩi

1A037

THPT Chuyên ĐH SP HN

552

22,41

5

T ĩnh Nam Đ ĩnh

25002

THPT Lê H ĩng Phong

769

22,31

6

Tĩnh Vĩnh Phúc

16012

THPT Chuyên Vĩnh Phúc

430

22,22

7

TP Hà N i

1A045

THPT Chuyên KHTN ÖH QG HN

785

22,20

8

TP Đà Nĩng

4005

THPT Chuyên Lê Quý Đôn

331

22,06

9

TP Hà Nĩi

1A144

Chuyên ng ĐH NN Q. gia

581

22,00

10

T nh Bình Đ nh

37003

THPT chuyên Lê Quý Đôn

401

21,90

11

TP Hà N i

1A003

THPT Hà Nĩi-Amstecdam

672

21,89

12

Tĩnh Hĩi Dĩĩng

21013

THPT Nguyĩn Trĩi

453

21,70

13

T nh Thái Bình

26002

THPT Chuyên

819

21,60

14

T nh Đ ng Nai

48001

THPT Chuyên L ng Th Vinh

395

21,54

15

TP H Chí Minh

2015

THPT Lê H ng Phong

992

21,50

16

T nh Thanh Hóa

28118

THPT Chuyên Lam S n

453

21,41

17

T ĩ nh Khánh Hòa

41017

THPT chuyên Lê Quí Đôn

307

21,37

18

T ĩ nh Ngh ĩ An

29006

THPT Chuyên Phan B ĩ Châu

536

21,27

19

T nh Th a Thiên-Hu

33001

THPT Chuyên Qu c H c

729

21,24

20

TP Hà N i

1B162

THPT Chuyên Nguyễn Huệ

820

21,22

TS. Lê Công L i (Phó Hi u tr 5 ng)